

Bản án số: 06/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 09/02/2022

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Thành

2. Bà Đoàn Lệ Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 324/2021/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2022 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Hồng N, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: ấp A, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn S, sinh năm 1987;

Nơi cư trú: ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị N và anh S đều có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/12/2021, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa chị Đỗ Thị Hồng N trình bày: Chị và anh S do mai mối vợ chồng tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã An Định, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre ngày 05/9/2012. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2019, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S thường xuyên nhậu nhẹt về chửi chị. Nay chị nhận thấy tình

cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh S. Về tài sản chung, nợ chung: không có. Về con chung: sau khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Ngọc Minh T, sinh ngày 17/10/2013, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa anh Trần Văn S trình bày: Anh thống nhất với chị N về điều kiện kết hôn, hoàn cảnh tiền đến hôn nhân cũng như con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay chị N xin ly hôn anh không đồng ý vì anh còn thương vợ, thương con. Tài sản chung, nợ chung không có. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Theo anh nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn giống như vợ anh trình bày, nhưng anh không có biện pháp hàn gắn đoàn tụ.

Tại biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 17/01/2022 cháu Trần Ngọc Minh T trình bày: Hiện cháu đang sống chung với mẹ, nếu cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống chung với mẹ. Đây là ý chí tự nguyện của cháu không ai ép buộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu quan điểm cho rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh S cụ thể:

- + Về hôn nhân: chị N và anh S được ly hôn với nhau.
- + Về con chung: Sau khi ly hôn chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Ngọc Minh T, sinh ngày 17/10/2013, anh Trần Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.
- + Về tài sản chung: không có
- + Về nợ chung: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 28/12/2021 của chị Đỗ Thị Hồng N đối với anh Trần Văn S thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam.

Anh Trần Văn S có nơi cư trú tại xã An Định, huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mô Cày Nam thụ lý đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: chị Đỗ Thị Hồng N và anh Trần Văn S tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới năm 2012 và đăng ký kết hôn vào ngày 05/9/2012 tại UBND xã An Định, huyện Mô Cày Nam, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh chị cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh S thường xuyên nhậu nhẹt về chửi chị. Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn của anh chị là có thật nhưng anh chị không có biện pháp để hàn gắn đoàn tụ mà để cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Hồng N đối với anh Trần Văn S là đúng quy định pháp luật.

2.2. Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Đỗ Thị Hồng Nung và anh Trần Văn S có 01 con chung tên Trần Ngọc Minh T, sinh ngày 17/10/2013 chị N và anh S đều có nguyện vọng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: từ nhỏ lớn lên cháu T sống cùng với mẹ, và cháu T là con gái nên gần gũi mẹ nhiều hơn đồng thời cháu T cũng có nguyện vọng sống cùng với mẹ. Do đó, giao cháu T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp hơn so với anh S nhằm để tạo điều kiện cho cháu T phát triển tốt về tâm sinh lý và được học hành đầy đủ như bao đứa trẻ khác.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do chị N không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về tài sản chung: chị N và anh S khai không có nên không xem xét giải quyết.

2.4 Về nợ chung: chị N và anh S khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Đỗ Thị Hồng N có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Hồng N đối với anh Trần Văn S, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: chị Đỗ Thị Hồng N và anh Trần Văn S được ly hôn với nhau.
2. Về con chung: chị Đỗ Thị Hồng N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Ngọc Minh T, sinh ngày 17/10/2013 anh Trần Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

Anh Trần Văn S được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: chị N và anh S khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị N và anh S khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Đỗ Thị Hồng N có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001659 ngày 28/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Nam.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Nam (1b);
- UBND xã An Định;
- Những người tham gia tố tụng (3b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm